

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TIÊN LŨ
TỈNH HƯNG YÊN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2019/HSST

Ngày: 17/ 4/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TIÊN LŨ, TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Quang Hưng

2. Bà Ngô Thị Tuyết

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tiên Lữ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tiên Lữ tham gia phiên toà: Ông Nguyễn M Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã D, huyện T, tỉnh Hưng Yên, Tòa án nhân dân huyện Tiên Lữ mở phiên tòa lưu động xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 07/2019/TLST-HS ngày 14 tháng 3 năm 2019 đối với bị cáo:

1. BÙI VĂN V, sinh năm 1982; HKTT: Thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 5/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; con ông Bùi Văn H, sinh năm 1952 và bà Đào Thị L, sinh năm 1957; có vợ là Hoàng Thị C, sinh năm 1985 và 02 con, lớn sinh năm 2004 và nhỏ sinh năm 2011; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 15/8/2008, bị Công an thị xã H xử phạt vi phạm hành chính về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; bị tạm giữ từ ngày 19/12/2018 đến ngày 25/12/2018 chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên “*có mặt tại phiên tòa*”.

2. ĐỖ VĂN M, sinh năm 1979 HKTT: Thôn B, xã N, thành phố H, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: Không nghề; trình độ văn hóa: 1/12; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; giới tính: Nam; con ông Đỗ Văn M, sinh năm 1946 và bà Lê Kim L (đã chết); có vợ là Lê Kim T, sinh năm 1983 và 02 con, lớn sinh năm 2005 và nhỏ sinh năm 2009; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 30/11/2013, bị Công an thành phố H xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản; bị tạm giữ từ ngày 19/12/2018 đến ngày 25/12/2018 chuyển tạm giam, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên “*có mặt tại phiên tòa*”.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Chị Ngô Thị C, sinh năm 1977 “*vắng mặt*”.

Địa chỉ: Thôn B, xã N, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

Người làm chứng:

- Anh Lê Văn Q, sinh năm 1987 “vắng mặt”.

Địa chỉ: Thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Hưng Yên.

- Anh Bùi Ngọc H, sinh năm 1998 “vắng mặt”.

Địa chỉ: Thôn P, xã P, thành phố H, tỉnh Hưng Yên.

-Chị Hoàng Thị C, sinh năm 1985

Địa chỉ: Thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 30 phút, ngày 19/12/2018, tại đường 72 thuộc địa phận thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Hưng Yên, tổ công tác Công an huyện T phối hợp với Công an xã T làm nhiệm vụ tuần tra, phát hiện bắt quả tang Đỗ Văn M có hành vi cất giấu trái phép chất ma túy trên người. Cơ quan Cảnh sát điều tra-Công an huyện T đã quản lý trong túi quần bên trái M đang mặc có 01 gói giấy bằng tờ tiền mệnh giá 2000đ bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng, được niêm phong ký hiệu M1. M khai nhận là heroine mua của Bùi Văn V vào sáng ngày 19/12/2018 với giá 470.000đ để sử dụng. Ngoài ra còn quản lý của M 01 xi lanh; 01 lọ nước cất nhãn Novocain 3%; 01 xe mô tô BKS: 20 H4-9261 nhãn hiệu Wave màu sơn xanh.

Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện T tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Bùi Văn V phát hiện, thu giữ trong túi quần đùi treo ở móc trên tường ở góc buồng nhà V 01 túi nilong đựng một gói giấy bạc bên trong chứa tinh thể màu trắng dạng bột, cục, được niêm phong ký hiệu M2. V khai nhận số ma túy bán cho M và số ma túy bị thu giữ tại nơi ở của V là Heroine V mua của Đào Văn B, sinh năm 1967 ở thôn N, xã T, huyện T vào ngày 15/12/2018 với số tiền 1.200.000đ, mục đích mua về để bán lại kiếm lời. Ngoài ra còn quản lý của V 01 điện thoại di động nhãn hiệu Masstel vỏ màu xanh đen đã qua sử dụng; 01 chứng minh nhân dân và 01 thẻ điều trị Methadone đều mang tên Bùi Văn V cùng số tiền 970.000đ.

Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện T tiến hành xác minh nhưng Đào Văn B không có mặt tại địa phương. Ngày 13/02/2019, Cơ quan cảnh sát điều tra - Công an huyện T tiến hành khám xét nơi ở của Đào Văn B, ở thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Hưng Yên, kết quả không phát hiện thu giữ gì.

Tại bản kết luận giám định số 53/PC 09 ngày 27/12/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hưng Yên kết luận: Chất màu trắng dạng bột và cục trong niêm phong ghi M1 thu của Đỗ Văn M, có khối lượng là 0,216g là Heroine. Chất màu trắng dạng bột và cục niêm phong ghi M2 thu của Bùi Văn V, có khối lượng là 1,213g là Heroine.

Quá trình điều tra đã làm rõ: Đỗ Văn M và Bùi Văn V đều là đối tượng nghiện chất ma túy và quen biết nhau đã lâu. Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 19/12/2018, M mượn xe mô tô biển số 20H4-9261 của chị Ngô Thị C để đi có việc. M điều khiển xe đến nhà V thì thấy V đang đứng ở khu vực sân nhà, tại đây M hỏi V có thuốc không bán cho M 400.000đ, thì V đồng ý và bảo M: “Mày đứng chờ tao một tí”. M cầm 470.000đ đút vào túi áo khoác V đang mặc. V nhặt một mảnh giấy trắng đi

vào gian buồng trong nhà lấy ở trong túi quần đùi treo ở móc quần áo ra một túi nilon bên trong có giấy bạc bọc cục Heroine, V mở gói giấy bạc lấy một ít Heroine ra cho vào tờ giấy trắng và bọc lại và gói cục Heroin lại để vào túi quần treo trên móc. V cầm gói heroine đưa cho M, do tờ giấy bị ướt nên M vứt tờ giấy đi và dùng tờ tiền 2000đ để bọc Heroine và giấu vào túi quần bên trái M đang mặc. M lên xe đi tìm nơi vắng vẻ để sử dụng ma túy, khi đang đi trên đường 72 thuộc địa phận thôn L, xã T, huyện T, tỉnh Hưng Yên thì bị lực lượng Công an huyện T bắt quả tang, thu giữ vật chứng liên quan.

Đối với số tiền 970.000đ quản lý của V, quá trình điều tra đã làm rõ bao gồm 470.000đ là tiền V bán ma túy cho M, số tiền 500.000đ còn lại là tiền của V do lao động tiết kiệm mà có.

Đối với xe mô tô biển số 20H4-9261 là của chị Ngô Thị C, chị C không biết việc M mượn xe máy để đi mua ma túy do vậy cơ quan Công an không xem xét xử lý.

Đối với Đào Văn B khai không bán Heroine cho Bùi Văn V, tài liệu điều tra đến nay không có đủ căn cứ xử lý B về hành vi Mua bán trái phép chất ma túy.

Quá trình điều tra Đỗ Văn M và Bùi Văn V đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Bản cáo trạng số 10/CT-VKS ngày 12/3/2019 của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố bị cáo Bùi Văn V về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật Hình sự; Đỗ Văn M về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Trên cơ sở các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được Hội đồng xét xử thẩm tra công khai tại phiên tòa; lời khai của các bị cáo tại phiên tòa thừa nhận: Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 19/12/2018, tại nơi ở của mình, Bùi Văn V có hành vi bán trái phép cho Đỗ Văn M 0,216 gam Heroine với giá 470.000đ và tàng trữ 1,213 gam Heroine nhằm mục đích bán để kiếm lời. Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 19/12/2018, tại thôn L, xã T, Đỗ Văn M đã có hành vi tàng trữ 0,216 gam heroine nhằm mục đích sử dụng. Hành vi của bị cáo V đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 251 BLHS; hành vi của bị cáo M đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Do đó, VKSND huyện T giữ nguyên cáo trạng đã truy tố. Các bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo M có bố là thương binh, được tặng thưởng Huân chương chiến sĩ giải phóng; bị cáo V có hoàn cảnh gia đình khó khăn có xác nhận của chính quyền địa phương, có chú ruột là liệt sĩ hiện bị cáo và gia đình đang thờ cúng nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo M từ 01 năm 06 tháng đến 01 năm 09 tháng tù; áp dụng khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS xử phạt bị cáo V từ 02 năm 03 tháng tù đến 02 năm 06 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo .

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a,b,c khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a,b,c khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị HĐXX tuyên tịch thu cho tiêu hủy toàn bộ số heroine còn lại sau giám định, 01 xi lanh, 01 lọ nước cất Novocain 3%; đối với số tiền 970.000 đồng thu giữ của V cần tịch thu sung công quỹ Nhà nước 470.000 đồng do bị cáo thu được từ việc bán ma túy cho M, trả lại bị cáo số tiền 500.000đ là tiền bị cáo lao động mà có cùng chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Mastel đã qua sử dụng; 01 chứng minh nhân dân, 01 thẻ điều trị METHADONE; trả lại bà Ngô Thị C chiếc xe mô tô BKS 20H4-9261 đã qua sử dụng.

Về án phí: Mỗi bị cáo phải chịu 200.000đồng án phí sơ thẩm hình sự.

Bị cáo M và V tự bào chữa: Nhất trí với cáo trạng đã truy tố và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T xác định bị cáo M phạm tội Tàng trữ trái phép chất ma túy, bị cáo V phạm tội Mua bán trái phép chất ma túy và đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm một phần hình phạt.

Lời nói sau cùng của các bị cáo: Đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt để sớm được trở về với gia đình, xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện T, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện T, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về nội dung: Lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác trong hồ sơ vụ án như: Biên bản bắt người bị giữ trong trường hợp khẩn cấp; Biên bản khám xét ngày 19/12/2018 đối với V; Biên bản bắt người phạm tội quả tang ngày 19/12/2018, Biên bản niêm phong đồ vật, tài liệu bị tạm giữ ngày 19/12/2018 đối với M; Kết luận giám định số 53/PC09 ngày 27/12/2018 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Hưng Yên, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử Tòa án nhân dân huyện T có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 10 giờ 30 phút ngày 19/12/1978, Bùi Văn V đã có hành vi bán trái phép cho Đỗ Văn M 0,216 gam Heroine với giá 470.000đ và tàng trữ 1,213 gam Heroine nhằm mục đích bán để kiếm lời. Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 19/12/2018, tại thôn L, xã T, Đỗ Văn M đã có hành vi tàng trữ 0,216 gam heroine nhằm mục đích sử dụng. Hành vi của bị cáo V đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Mua bán trái phép chất ma túy” quy định tại khoản 1 Điều 251 BLHS; hành vi của bị cáo M đã có đủ yếu tố cấu thành tội “Tàng

trữ trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249 Bộ luật Hình sự. Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện T truy tố các bị cáo theo tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật, không oan sai.

[3]. Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo là nghiêm trọng, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy được pháp luật hình sự bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến tình hình an ninh, trật tự tại địa phương, làm gia tăng tệ nạn xã hội và các tội phạm khác. Các bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ tác hại của ma túy; nhận thức được việc tàng trữ trái phép chất ma túy để sử dụng và mua bán trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện, thể hiện sự coi thường kỷ cương, pháp luật của Nhà nước.

[4]. Khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử có xem xét đến nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo.

Về nhân thân: Các bị cáo đều có nhân thân xấu. Bị cáo V bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy; bị cáo M bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi trộm cắp tài sản.

Về tình tiết tăng nặng TNHS: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ TNHS: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo với thái độ ăn năn, hối cải; bị cáo V có hoàn cảnh gia đình khó khăn, có chú ruột là liệt sĩ không vợ, con, bị cáo và gia đình đang thờ cúng; bị cáo M có bố đẻ là thương binh, được tặng thưởng Huân chương chiến sĩ giải phóng nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Từ những phân tích và nhận định như trên, Hội đồng xét xử xét thấy phải áp dụng mức hình phạt tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của các bị cáo, cần thiết phải cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định mới có tác dụng giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho gia đình, xã hội, có ý thức tuân thủ, tôn trọng pháp luật, đáp ứng nhu cầu phòng ngừa tội phạm chung trong toàn xã hội như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tại phiên tòa là phù hợp.

[5]. Về hình phạt bổ sung, theo quy định tại khoản 5 Điều 249, khoản 5 Điều 251 Bộ luật Hình sự thì “*Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng*”. Theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa cho thấy bị cáo V là lao động tự do thu nhập thấp, hoàn cảnh gia đình khó khăn, có hai con còn nhỏ, vợ đang mang thai 06 tháng; bị cáo M là đối tượng không nghề nghiệp, không có thu nhập nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung bằng hình thức phạt tiền đối với các bị cáo.

[6]. Về xử lý vật chứng:

Đối với số heroine còn lại sau giám định đựng trong phong bì niêm phong số 53/PC09 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hưng Yên là vật bị Nhà nước

cắm lưu hành; 01 xi lanh, 01 lọ nước cất Novocain 3% là những vật không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu cho tiêu hủy.

Đối với số tiền 970.000 đồng thu giữ của V, quá trình điều tra đã làm rõ có 470.000 đồng là tiền bị cáo V thu được từ việc bán ma túy trái phép cho bị cáo M nên tịch thu sung công quỹ Nhà nước; số tiền 500.000 đồng là của bị cáo do lao động mà có, không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

Đối với chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Mastel đã qua sử dụng; 01 chứng minh nhân dân, 01 thẻ điều trị METHADONE thu giữ của bị cáo V, quá trình điều tra đã làm rõ không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo.

Đối với xe máy nhãn hiệu Wave màu xanh BKS 20H4-9261 đã qua sử dụng thu giữ của bị cáo M, quá trình điều tra và tại phiên tòa có đủ căn cứ chứng minh là tài sản thuộc sở hữu của bà Ngô Thị C. Bà C không biết bị cáo sử dụng xe máy đi mua ma túy nên tuyên trả lại cho bà C và không xem xét xử lý đối với bà C.

Đối với Đào Văn B, tài liệu điều tra không đủ căn cứ xác định B bán trái phép chất ma túy cho bị cáo V nên không xem xét xử lý là đúng pháp luật.

[7] Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo Điều 136 BLTTHS và Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[8] Luận tội và đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện T tại phiên tòa về tội danh, điều luật áp dụng, mức hình phạt đối với bị cáo và các vấn đề khác cần giải quyết trong vụ án là có căn cứ, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 45, 46, 260, 268, 269, 299, 326, 327, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự

Căn cứ khoản 1 Điều 251; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Bùi Văn V phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Bùi Văn V 02 năm 03 tháng tù (02 năm 03 tháng tù), thời hạn chấp hành hình phạt tù được tính từ ngày tạm giữ 19/12/2018.

Căn cứ điểm c khoản 1 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự, Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Đỗ Văn M phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

Xử phạt bị cáo Đỗ Văn M 01 năm 06 tháng tù (01 năm 06 tháng tù), thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 19/12/2018

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 46; điểm a,b,c khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a,b,c khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự

-Tịch thu cho tiêu hủy toàn bộ số heroine còn lại sau giám định; 01 xi lanh, 01 lọ nước cất Novocain 3%.

-Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 470.000 đồng của bị cáo Bùi Văn V;

-Trả lại bị cáo V số tiền 500.000đ cùng chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Mastel vỏ màu xanh-đen đã qua sử dụng; 01 chứng minh nhân dân, 01 thẻ điều trị METHADONE đều mang tên Bùi Văn V;

-Trả lại bà Ngô Thị Cừ chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave màu xanh BKS 20H4-9261 đã qua sử dụng, số máy VDECP1150FMG*009196; số khung VDEPCC012DE*009196.

(Tình trạng, số lượng vật chứng theo giấy nộp tiền vào tài khoản ngày 08/01/2019; phiếu nhập kho ngày 18/3/2019 giữa cơ quan Công an huyện T và Kho bạc, Chi cục thi hành án dân sự huyện T).

Về án phí: Bị cáo Bùi Văn V, Đỗ Văn M mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí sơ thẩm hình sự.

Án xử công khai có mặt các bị cáo, vắng mặt người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Báo cho các bị cáo biết trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan biết trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định được quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Hưng Yên để xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các bị cáo;
- Người có QLNVLQ;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- CA huyện T;
- CA Trại tạm giam
- Phòng KTNV Tòa án tỉnh;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, THA.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Hương

